

Bản án số: 122/2022/HNGĐ-ST

Ngày 11 - 5 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Hồng Dương

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Cẩm T, sinh năm 1993.

Cư trú tại: Ấp Hữu Chiến, xã Hữu Định, huyện Châu T, tỉnh B. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Đinh Sơn R, sinh năm 1992.

Cư trú tại: Ấp Xóm Dừa, xã Quách P, huyện Đ, tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2022, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T với ông R chung sống với nhau vào năm 2015, hôn nhận tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vì ông R thường xuyên uống rượu, không quan tâm lo lắng trong gia đình, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải hàn gắn nhiều lần nhưng ông R không khắc phục dẫn đến vợ chồng ly thân hơn 03 năm. Nay, bà T xác định không thể chung sống cùng nhau được nữa, do tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông R.

Về con chung: Phan Hải Đ, sinh ngày 04/8/2015, đang học lớp 1 tại Trường tiểu học Hữu Đ và Đình M, sinh ngày 05/7/2018, đang học mẫu giáo tại Trường mầm non Hữu Đ và hiện 02 trẻ đang sống cùng bà T tại ấp Hữu Chiến, xã Hữu Đình, huyện Châu T, tỉnh B. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Riêu cấp dưỡng.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên toà bị đơn ông Đình Sơn R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Riêu xác định thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng đúng như bà T trình bày. Nay bà T xác định không thể chung sống cùng ông được nữa nên yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Phan Hải Đ, sinh ngày 04/8/2015 và Đình Mỹ K, sinh ngày 05/7/2018, hiện đang sống cùng bà T. Khi ly hôn ông yêu cầu được nuôi Phan Hải Đ và Đình Mỹ K, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Đình Sơn R xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Bà T với ông Riêu kết hôn vào năm 2017, hôn nhân tự nguyện, ngày 28/12/2017 đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 89/2017 tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm, huyện Đ, tỉnh C, hôn nhân hợp pháp.

Bà T xác định, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống vì ông R không quan tâm lo lắng trong gia đình. Nay, bà T yêu cầu được ly hôn với ông R. Ông R xác định vợ chồng sống không hạnh phúc dẫn đến ly thân khoảng 03 năm nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho bà T ly hôn với ông R.

[2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng 02 con chung Phan Hải Đ, sinh ngày 04/8/2015 và Đình Mỹ K, sinh ngày 05/7/2018, hiện 02 con đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T và ông R đều yêu cầu được nuôi trẻ Đ và trẻ K. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi con căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con*”. Viện dẫn từ điều luật trên thấy rằng, trẻ Đ hiện đang học lớp 1 tại Trường tiểu học Hữu Đ và trẻ K mới hơn 36 tháng tuổi đang học mẫu giáo tại Trường mầm non Hữu Đ. Ngoài ra, từ trước đến nay trẻ Đăng và trẻ Kim do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đang sinh sống, học tập ổn định tại ấp Hữu Chiến, xã Hữu Đ, huyện Châu T, tỉnh Bến T. Để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của các trẻ, cũng như đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần của các trẻ. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các trẻ nên cần giao trẻ Đ và trẻ K cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

Ông Đinh Sơn R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự ngăn cản từ phía bà T và gia đình thì ông R yêu cầu địa phương lập biên bản là một trong những căn cứ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung và nợ: Bà Phan Thị Cẩm T và ông Đinh Sơn R xác định không có.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị Cẩm T .

1. Về hôn nhân: Cho bà Phan Thị Cẩm T ly hôn với ông Đinh Sơn R .

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Hải Đ , sinh ngày 04/8/2015 và Đinh Mỹ K , sinh ngày 05/7/2018 cho bà Thu tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Đinh Sơn R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Cẩm T phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012273 ngày 12/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà T và ông R có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.Tòa án Đầm Dơi.

(Đã ký)

Ngô Giang Nam